

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22805101] - Thí nghiệm máy điện
(CCQ2205A,B)

CBGD: Mai Văn Lê (280013)

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2119050106	Trần Gia Bảo	17/09/2001	CCQ1905D			6,0	6,0	6,0
2	2120050002	Đinh Thành Danh	14/09/2002	CCQ2005A			5,2	6,0	5,7
3	2122050087	Lê Việt Đông	17/02/2004	CCQ2205C			7,5	8,0	7,8
4	2119050113	Nguyễn Hồ Ngọc Hân	26/10/2001	CCQ1905D			5,0	6,0	5,6
5	2120050005	Bùi Trọng Hiền	02/06/2002	CCQ2005A			6,8	7,0	6,9
6	2120050011	Đỗ Tấn Lâm	11/09/2002	CCQ2005A			7,0	8,0	7,6
7	2120050012	Hồ Nhật Nam	17/12/2002	CCQ2005A			6,3	7,0	6,7
8	2119050119	Trần Phương Nam	25/08/1998	CCQ1905D			5,3	6,0	5,7
9	2120050014	Nguyễn Duy Nhất	05/12/2002	CCQ2005A			8,0	9,0	8,6
10	2121060026	Nguyễn Xuân Phú	10/08/2003	CCQ2105A			7,4	8,0	7,8
11	2122050148	Nguyễn Minh Phúc	14/07/2004	CCQ2205C			7,3	8,0	7,7
12	2122050090	Trần Văn Quyền	02/10/2004	CCQ2205C			6,0	7,0	6,6
13	2120050058	Vũ Đức Tài	15/10/2001	CCQ2005B			5,3	6,0	5,7
14	2121050052	Lê Minh Thuận	13/02/2003	CCQ2105B			6,8	7,0	6,9
15	2122050019	Nguyễn Văn Minh Thuận	12/03/2004	CCQ2205A			8,4	9,0	8,8
16	2122050021	Phạm Văn Thiện Thuật	19/01/2001	CCQ2205A			7,9	8,0	8,0
17	2122050081	Trương Lê Ngọc Tiên	06/11/2003	CCQ2205C			6,6	7,0	6,8
18	2121050029	Võ Thành Tuấn	17/11/2003	CCQ2105A			5,9	6,0	6,0
19	2120050096	Đạt Đại Hoàng Vũ	17/07/2002	CCQ2005C					